

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu vật tư y tế ngoại tiêu hóa –
tiết niệu tập trung cấp địa phương năm 2023 cho các cơ sở y tế công lập
trên địa bàn tỉnh Quảng Nam**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật đấu thầu ngày 26/11/2013;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về việc quản lý trang thiết bị y tế; Nghị định 07/2023/NĐ-CP ngày 03/3/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 10 năm 2015 của Bộ Kế hoạch Đầu tư về quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 và Thông tư số 68/2022/TT-BTC ngày 11/11/2022 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT ngày 31/5/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và lựa chọn nhà thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 14/2023/TT-BYT ngày 30/6/2023 của Bộ Y tế về quy định trình tự, thủ tục xây dựng giá gói thầu mua sắm hàng hóa và cung cấp dịch

vụ thuộc lĩnh vực trang thiết bị y tế tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Quyết định số 1113/QĐ-UBND ngày 26/4/2022 của UBND tỉnh ban hành quy định về mua sắm tài sản theo phương thức tập trung trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định 1702/QĐ-UBND ngày 24/6/2022 của UBND tỉnh phê duyệt phương án tổ chức đấu thầu mua sắm tập trung cấp địa phương thuốc, hóa chất, vật tư y tế tiêu hao năm 2023-2024;

Căn cứ Quyết định số 2701/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 của UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt mua sắm vật tư y tế ngoại tiêu hóa – tiết niệu tập trung cấp địa phương năm 2023 cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

Theo đề nghị của Bệnh viện đa khoa Quảng Nam tại Tờ trình số 3323/TTr-BV ngày 15/12/2023 và Sở Y tế tại Tờ trình số 313/TTr-SYT ngày 18/12/2023 (kèm theo Báo cáo số 3147/BC-HĐTĐ ngày 18/12/2023 của Hội đồng thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói hóa chất, vật tư y tế tiêu hao đấu thầu tập trung cấp địa phương năm 2023 của Sở Y tế).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu mua sắm vật tư y tế ngoại tiêu hóa – tiết niệu tập trung cấp địa phương năm 2023 cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, với những nội dung như sau:

1. Tên gói thầu: Gói thầu mua sắm vật tư y tế ngoại tiêu hóa – tiết niệu tập trung cấp địa phương năm 2023 cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

2. Tổng giá trị gói thầu: 20.187.431.770 đồng (Hai mươi tỷ, một trăm tám mươi bảy triệu, bốn trăm ba mươi một nghìn, bảy trăm bảy mươi đồng).

** Mức Giá trên đã bao gồm các loại thuế, phí theo quy định, chi phí vận chuyển, bảo quản, giao hàng đến kho của các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.*

3. Nguồn vốn: Nguồn thu từ hoạt động khám bệnh, chữa bệnh của các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, nguồn quỹ Bảo hiểm y tế và nguồn thu hoạt động sự nghiệp của các đơn vị năm 2023.

4. Cơ quan tổ chức lựa chọn nhà thầu: Bệnh viện Đa khoa Quảng Nam.

5. Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi qua mạng trong nước.

6. Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn hai túi hồ sơ.

7. Thời gian bắt đầu lựa chọn nhà thầu: Quý IV năm 2023.

8. Hình thức hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

9. Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Bệnh viện Đa khoa Quảng Nam

- Chịu trách nhiệm về danh mục chi tiết, thông số kỹ thuật, số lượng từng mặt hàng, mức giá đề xuất; căn cứ các nội dung đã được phê duyệt, tổ chức lập các hồ sơ, thủ tục tiếp theo theo đúng quy định và chịu trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình triển khai thực hiện. Trong quá trình lập hồ sơ mời thầu không được nêu bất cứ điều kiện nào làm hạn chế sự tham gia của các nhà thầu; lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời thầu, tiến hành lựa chọn nhà thầu đảm bảo công khai, cạnh tranh (có nhiều hãng tham gia trong một chủng loại mặt hàng mua sắm), minh bạch, đúng quy định. Chịu trách nhiệm trong việc lựa chọn các nhà thầu có đủ năng lực và kinh nghiệm để thực hiện gói thầu mua sắm trên, thông báo và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu; ký kết thỏa thuận với nhà thầu dựa trên kết quả lựa chọn nhà thầu đã được phê duyệt; giám sát, điều tiết quá trình thực hiện thỏa thuận, hợp đồng của các nhà thầu được lựa chọn; tiếp nhận, xử lý thông tin phản hồi từ các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng hóa chất, vật tư y tế; không để xảy ra thất thoát, lãng phí, tiêu cực; báo cáo kết quả thực hiện và gửi Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cho Sở Tài chính, Sở Y tế để tổng hợp, theo dõi; đồng thời thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo quy định của Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013, Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Sở Y tế chịu trách nhiệm về quy trình, trình tự thủ tục, pháp lý và giá trình phê duyệt đấu thầu; lưu các hồ sơ minh chứng trong quá trình lập các hồ sơ trình UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Y tế hướng dẫn, giám sát, kiểm tra việc thực hiện đấu thầu của Bệnh viện Đa khoa Quảng Nam đảm bảo quy định; kịp thời báo cáo, đề xuất UBND tỉnh xử lý các phát sinh vướng mắc (nếu có).

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Y tế, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Bảo hiểm Xã hội tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Bệnh viện Đa khoa Quảng Nam và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TTTU, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CPVP;
- Lưu: VT, TH, KGVX, KTTH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Anh Tuấn

Phụ lục
GÓI THẦU MUA SẴM VẬT TƯ Y TẾ: NGOẠI TIÊU HÓA - TIẾT NIỆU
CHO CÁC CƠ SỞ Y TẾ CÔNG LẬP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NAM NĂM 2023

Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam

STT	Tên mặt hàng	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Đơn giá dự toán (đồng)	Số lượng	Thành tiền (đồng)
1	Băng đạn, ghim khâu dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Băng đạn (ghim khâu) cắt khâu nối nội soi, có 3 hàng ghim, chiều cao ghim $\geq 2.0\text{mm}$, chiều dài băng ghim $\geq 45\text{mm}$, Cung cấp lưỡi dao mới trong mỗi băng đạn. Đạt tiêu chuẩn ISO, 2CFS	Cái	5.470.000	140	765.800.000
2	Băng đạn, ghim khâu dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Băng đạn (ghim khâu) khâu cắt nối thẳng $\geq 80\text{mm}$, chiều cao ghim $\geq 3.8\text{mm}$. Đạt tiêu chuẩn ISO và có 2 CFS	Cái	1.615.000	70	113.050.000
3	Băng đạn, ghim khâu dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Băng đạn dùng cho dụng cụ cắt khâu nối thẳng mổ mở cỡ $\geq 80\text{mm}$, có 3 hàng ghim, chiều cao ghim $\geq 3.0\text{mm}$. Đạt tiêu chuẩn ISO, 2CFS.	Cái	1.900.000	70	133.000.000
4	Băng đạn, ghim khâu dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Dụng cụ khâu nối tự động, thân dụng cụ dài $\geq 22\text{cm}$, đường kính $\geq 28\text{mm}$, chiều cao ghim khi mở $\geq 3.5\text{mm}$. Chất liệu ghim titanium. Đạt tiêu chuẩn ISO và có 2CFS	Cái	9.800.000	210	2.058.000.000
5	Băng đạn, ghim khâu dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Băng ghim với công nghệ giữ mô bề mặt, $\geq 60\text{mm}$, có ≥ 6 hàng ghim làm bằng hợp kim titan, chiều cao ghim mở $\geq 2,6\text{mm}$, chiều cao ghim đóng $\geq 1,0\text{mm}$. Đạt tiêu chuẩn ISO, 2 CFS	Cái	2.828.000	124	350.672.000
6	Băng đạn, ghim khâu dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Băng ghim của Dụng cụ khâu cắt nối thẳng mổ mở $\geq 55\text{mm}$, chiều cao ghim đóng điều chỉnh được $\geq 1,5\text{mm}$, ghim làm bằng titanium allow, có ≥ 6 hàng ghim. Đạt tiêu chuẩn ISO, 2 CFS	Cái	1.138.000	200	227.600.000

7	Băng đạn, ghim khâu dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Băng ghim của Dụng cụ khâu cắt nối thẳng mở $\geq 75\text{mm}$, chiều cao ghim đóng điều chỉnh được $\geq 1,5\text{mm}$, ghim làm bằng titanium allow, có ≥ 6 hàng ghim. Đạt tiêu chuẩn ISO, 2 CFS	Cái	1.138.000	50	56.900.000
8	Bộ đặt dẫn lưu thận qua da các loại, các cỡ (bao gồm: Kim chọc, ống thông để nong, ống thông (sonde) J-J, ống thông để đặt dẫn lưu ra ngoài)	* Bộ dẫn lưu đa chức năng (thận, đường mật, chọc dò áp xe, chọc dịch ổ bụng bao gồm: 1 ống dẫn lưu dạng pigtail (đầu J) polyurethane phủ hydrophilic có khóa luer-lock, 1 trocar đầu tít dạng sharp sắc nét để xuyên qua da, 1 stiffening cannula (nòng sắt) * Kích cỡ: $\geq 6\text{F}$ tương thích dây dẫn từ 0.035"-0.038"(inch), chiều dài $\geq 25\text{ cm}$ * Tiêu chuẩn ISO, CE	Bộ	1.098.300	110	120.813.000
9	Bộ mở dạ dày ra da 24Fr qua nội soi	Đường kính ngoài ống: 24Fr; đường kính bên trong lòng ống $\geq 5.5\text{mm}$; tổng chiều dài $\geq 150\text{ cm}$; Bao gồm trọn bộ: sát khuẩn, khăn trải vô trùng, gạc vô trùng, bộ gây tê, dao mổ, kéo, kẹp, xylanh, kim tiêm, catheter xuyên thành bụng, thông lọng, dây dẫn dạng vòng, dây nuôi ăn, kẹp khóa, adaptor bơm thức ăn. Đạt tiêu chuẩn ISO , CFS	Bộ	3.350.000	34	113.900.000
10	Bộ nong tán sỏi có vỏ que nong vừa tán vừa hút	Gồm: 01 giá đỡ vừa tán vừa hút: các cỡ; Que nong: các cỡ; 01 kim chọc dò: các cỡ ; 01 guide wire: 0.032", dài $\geq 75\text{cm}$, tip đầu cong J. Đạt tiêu chuẩn ISO, CFS.	Bộ	6.000.000	2	12.000.000
11	Bộ nong thận chuyên dùng cho tán sỏi qua da	Dùng để tạo đường hầm trong phẫu thuật lấy sỏi qua da. Bộ gồm: 02 sheath (Vỏ tách), 06 que nong: số các cỡ, dài $\geq 18\text{cm}$, 01 kim chọc dò các cỡ 01 dây dẫn đường dài: $\geq 80\text{cm}$, size 0.035" đầu J, Đạt tiêu chuẩn ISO, CE	Bộ	4.500.000	410	1.845.000.000

12	Bộ thắt tĩnh mạch thực quản gồm tay quay và 6 vòng thắt.	Bộ thắt bao gồm 01 tay quay và 6 vòng thắt, tích hợp ống soi có đường kính $\geq 8,6\text{mm}$, trục tay quay đơn cho phép thực hiện xoay 01 chiều để thắt, đường kính trong $\geq 9,8\text{mm}$ Đạt tiêu chuẩn: ISO và CE, FDA	Bộ	3.135.000	170	532.950.000
13	Bóng kéo sợi đường mật	Bóng kéo sợi 3 kênh, đường kính catheter $\geq 7\text{Fr}$, kích thước bóng khi chưa có khí $\geq 2.6\text{mm}$, kích thước bóng khi có khí $\geq 9\text{mm}$, chiều dài làm việc $\geq 200\text{cm}$, tương thích dây dẫn khoảng 0.035inch . Đạt tiêu chuẩn ISO, CFS.	Cái	5.200.000	10	52.000.000
14	Bóng nong đường mật	Có 2 điểm đánh dấu cân quang ở 2 đầu bóng. Bóng có kích thước $\geq 12\text{ atm}$, Chiều dài bóng khoảng $\geq 30\text{mm}$, Chiều dài Catheter $\geq 200\text{cm}$, đường kính $\geq 7\text{ Fr}$. Đạt tiêu chuẩn ISO	Cái	8.420.000	5	42.100.000
15	Catheter thông đường mật các loại, các cỡ	Ống thông có khóa Luer-Lock, Tiêm thuốc cân quang trong khi luồn dây dẫn hướng; với các điểm đánh dấu màu; có ≥ 3 cổng truy cập, tương thích với dây dẫn 0.035 , chiều dài $\geq 200\text{ cm}$, đường kính kênh dụng cụ $\geq 2.8\text{mm}$. Đạt tiêu chuẩn ISO, CFS	Cái	9.120.000	30	273.600.000
16	Clip cầm máu	Dùng trong mổ nội soi. Đạt tiêu chuẩn ISO, 2CFS	Cái	627.000	160	100.320.000
17	Clip cầm máu các cỡ	Không cân quang, có khóa, Các kích cỡ. Đạt tiêu chuẩn ISO, CFS	Cái	69.300	784	54.331.200
18	Dao cắt cơ vòng	3 kênh độc lập: hệ thống có 3 điểm đánh dấu, Chiều dài dao $\geq 25\text{mm}$. Lớp phủ cách điện $\geq 12.5\text{mm}$. .Đạt tiêu chuẩn ISO, CFS	Cái	4.480.000	7	31.360.000

19	Dây bơm nước dùng trong y tế	<p>Chất liệu: Cao su silicon, Bao gồm: + 02 dây silicon, ĐK ngoài $\geq 10\text{mm}$, ĐK trong $\geq 6\text{mm}$, Dài $\geq 50\text{cm}$ + 01 dây silicon, ĐK ngoài $\geq 10\text{mm}$, ĐK trong $\geq 6\text{mm}$, Dài $\geq 150\text{cm}$ + 01 dây silicon, ĐK ngoài $\geq 10\text{mm}$, ĐK trong $\geq 6\text{mm}$, Dài $\geq 250\text{cm}$ + 01 dây silicon ĐK ngoài $\geq 9\text{mm}$, ĐK trong $\geq 6\text{mm}$, Dài $\geq 137\text{mm}$ + Kim hình nón: 02 cái, Kẹp chặn nước: 02 cái, Kết nối 3 chạc: 01 cái, Màng ép: 03 cái. Đạt tiêu chuẩn ISO</p>	Cái	6.000.000	1	6.000.000
20	Dây dẫn đường đầu mềm cong, có cán quang	<p>Dây dẫn khoảng 0.035inch . Đầu hút nước $\geq 5\text{ cm}$ được phủ lớp cán quang, và phủ lớp hydrophilic , lõi chống xoắn, dài $\geq 480\text{cm}$, loại đầu cong. Đạt tiêu chuẩn ISO, CFS</p>	Cái	6.153.000	30	184.590.000
21	Dây dẫn đường dùng cho tán sỏi qua da	<p>Dây dẫn cỡ khoảng 0.035'' đầu cong, dài $\geq 75\text{ cm}$. Đạt tiêu chuẩn ISO, CFS</p>	Cái	966.000	17	16.422.000
22	Dây dẫn đường dùng trong niệu quản(dây dẫn Hydrophilic)	<p>Chất liệu lõi Nitinol; phủ Hydrophilic, các cỡ, chiều dài $\geq 150\text{cm}$. Đạt tiêu chuẩn ISO, CFS</p>	Cái	1.028.000	12	12.336.000
23	Dây dẫn đường dùng trong niệu quản(dây dẫn PTFE)	<p>Cấu tạo bằng thép không ri, các cỡ, chiều dài $\geq 150\text{cm}$. Đạt tiêu chuẩn ISO, CFS</p>	Cái	283.290	32	9.065.280
24	Dây dẫn đường dùng trong niệu quản(dây dẫn zebra)	<p>Chất liệu Nitinol phủ PTFE các cỡ, chiều dài $\geq 150\text{cm}$, Loại cứng, đầu thẳng cứng linh hoạt.</p>	Cái	2.350.000	17	39.950.000
25	Dây truyền quang (Sợi quang dùng cho máy tán sỏi laser)	<p>Đường kính $\geq 550\mu\text{m}$, chiều dài $\geq 3\text{m}$. Đạt tiêu chuẩn ISO</p>	Cái	30.000.000	6	180.000.000
26	Dây truyền quang (Sợi quang dùng cho máy tán sỏi laser)	<p>Đường kính $\geq 200\mu\text{m}$, chiều dài $\geq 3\text{m}$. Đạt tiêu chuẩn ISO</p>	Cái	33.000.000	2	66.000.000

27	Dụng cụ cắt bao quy đầu	Chiều dài ≥ 128 mm ; Đường kính ngoài ≥ 22.6 mm; Đường kính trong ≥ 16 mm Tay cầm bằng kim loại nguyên chất, các cỡ, Đạt tiêu chuẩn ISO, CFS	Cái	2.500.000	263	657.500.000
28	Dụng cụ khâu nối ruột đầu nghiêng	- Chiều dài dụng cụ ≥ 44.5 cm - Độ dày đầu đe ≥ 6.2 mm - Đầu đe nghiêng có thể tháo rời - Đường kính ngoài ≥ 29 mm - Đường kính trong ≥ 20 mm - Số lượng ghim ≥ 24 Ghim - Số vòng ghim bấm ≥ 2 - Chiều cao ghim trước khi bấm ≥ 4.8 mm - Chiều cao khi đập (chữ B) ≥ 2.0 mm - Đường kính ghim ≥ 0.28 mm - Chiều rộng của ghim ≥ 3.8 mm - Chất liệu ghim bấm: Titanium - Đạt tiêu chuẩn CE, ISO	Cái	9.124.500	6	54.747.000
29	Dụng cụ phẫu thuật trĩ bằng phương pháp Longo	Đường kính ngoài ≥ 32 mm, số lượng ghim ≥ 30 , chiều cao ghim ≥ 4.2 mm, độ đập ép mô ≥ 0.8 mm, ghim bằng Titanium không gỉ. Đạt tiêu chuẩn ISO, CFS	Bộ	9.124.500	281	2.563.984.500
30	Dụng cụ, máy cắt, khâu nối tự động sử dụng trong kỹ thuật Doppler các loại, các cỡ (bao gồm cả bộ đầu dò Doppler động mạch búi trĩ)	Dụng cụ cắt khâu nối tự động, dùng trong phẫu thuật nội soi, tích hợp với tất cả các loại băng đạn (ghim khâu) cắt khâu nối nội soi, tiếp cận mô thông qua 5 vị trí mỗi bên. Trục dài ≥ 16 cm. Đạt tiêu chuẩn ISO, 2CFS	Cái	9.800.000	30	294.000.000
31	Dụng cụ, máy cắt, khâu nối tự động sử dụng trong kỹ thuật Doppler các loại, các cỡ (bao gồm cả bộ đầu dò Doppler động mạch búi trĩ)	Dụng cụ cắt nối tự động mô hở cỡ ≥ 80 mm, chiều cao ghim ≥ 3.8 mm, công nghệ định hướng ghim đập đúng chiều Đạt tiêu chuẩn ISO, 2CFS	Cái	5.990.000	30	179.700.000

32	Dụng cụ, máy cắt, khâu nối tự động sử dụng trong kỹ thuật Doppler các loại, các cỡ (bao gồm cả bộ đầu dò Doppler động mạch búi trĩ)	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng mô mở cỡ $\geq 80\text{mm}$, chiều cao ghim từ trong ra ngoài $\geq 3.0\text{mm}$, ba hàng ghim chiều cao khác nhau. Đạt tiêu chuẩn ISO, 2CFS	Cái	6.600.000	10	66.000.000
33	Dụng cụ, máy cắt, khâu nối tự động sử dụng trong kỹ thuật Doppler các loại, các cỡ (bao gồm cả bộ đầu dò Doppler động mạch búi trĩ)	Bộ dụng cụ khâu cắt nối vòng điều trị bệnh trĩ, đường kính đầu $\geq 33\text{mm}$, đường kính dao $\geq 24,4\text{mm}$, có ≥ 28 ghim titanium alloy, chân ghim $\geq 4\text{mm}$, chiều cao ghim đóng điều chỉnh $\geq 0,75\text{mm}$. Đạt tiêu chuẩn ISO, 2CFS	Cái	22.000.000	40	880.000.000
34	Dụng cụ, máy cắt, khâu nối tự động sử dụng trong kỹ thuật Doppler các loại, các cỡ (bao gồm cả bộ đầu dò Doppler động mạch búi trĩ)	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng mô mở $\geq 75\text{mm}$, chiều cao ghim đóng điều chỉnh $\geq 1,5\text{mm}$, có ≥ 118 ghim làm bằng titanium alloy, có ≥ 6 hàng ghim. Đạt tiêu chuẩn ISO, 2CFS	Cái	17.000.000	7	119.000.000
35	Dụng cụ, máy cắt, khâu nối tự động sử dụng trong kỹ thuật Doppler các loại, các cỡ (bao gồm cả bộ đầu dò Doppler động mạch búi trĩ)	Dụng cụ khâu cắt nối vòng đầu cong $\geq 33\text{mm}$, chiều dài cán $\geq 18\text{cm}$, đường kính trong $\geq 24,4\text{mm}$, chiều cao ghim mở khoảng $\geq 5,5\text{mm}$, chiều cao ghim đóng điều chỉnh $\geq 1,0\text{mm}$. Đạt tiêu chuẩn ISO, 2CFS	Cái	28.450.000	10	284.500.000
36	Dụng cụ, máy cắt, khâu nối tự động sử dụng trong kỹ thuật Doppler các loại, các cỡ (bao gồm cả bộ đầu dò Doppler động mạch búi trĩ)	Dụng cụ khâu cắt nối vòng $\geq 29\text{mm}$, chiều dài cán $\geq 18\text{cm}$, đường kính trong $\geq 20,4\text{mm}$, chiều cao ghim mở $\geq 5,2\text{mm}$, chiều cao ghim đóng điều chỉnh $\geq 1,5\text{mm}$; số lượng ghim ≥ 24 , chất liệu ghim bằng titanium alloy Đạt tiêu chuẩn ISO, 2CFS.	Cái	28.450.000	10	284.500.000

37	Dụng cụ, máy cắt, khâu nối tự động sử dụng trong kỹ thuật Doppler các loại, các cỡ (bao gồm cả bộ đầu dò Doppler động mạch búi trĩ)	Dụng cụ khâu cắt nối nội soi gấp góc $\geq 60\text{mm}$, đường kính cán $\geq 12\text{mm}$, chiều dài cán $\geq 34\text{cm}$, gấp góc mỗi bên $\geq 45^\circ$, hàm đe bằng thép đúc không gỉ, có 3 điểm tiếp xúc, độ mở hàm $\geq 22\text{mm}$. Đạt tiêu chuẩn ISO, 2CFS.	Cái	42.240.000	10	422.400.000
38	Dụng cụ, máy cắt, khâu nối tự động sử dụng trong kỹ thuật Doppler các loại, các cỡ (bao gồm cả bộ đầu dò Doppler động mạch búi trĩ)	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng mỏ mở $\geq 55\text{mm}$, chiều cao ghim đóng điều chỉnh $\geq 1,5\text{mm}$, ghim làm bằng titanium allow, có ≥ 6 hàng ghim. Đạt tiêu chuẩn ISO, 2CFS	Cái	15.360.000	10	153.600.000
39	Dụng cụ, máy cắt, khâu nối tự động sử dụng trong kỹ thuật Doppler các loại, các cỡ (bao gồm cả bộ đầu dò Doppler động mạch búi trĩ)	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng mỏ mở $\geq 75\text{mm}$, chiều cao ghim đóng điều chỉnh $\geq 1,5\text{mm}$, ghim làm bằng titanium, có ≥ 6 hàng ghim. Đạt tiêu chuẩn ISO, 2CFS	Cái	17.000.000	10	170.000.000
40	Dụng cụ, máy cắt, khâu nối tự động sử dụng trong kỹ thuật Doppler các loại, các cỡ (bao gồm cả bộ đầu dò Doppler động mạch búi trĩ)	Dụng cụ khâu cắt nối vòng $\geq 29\text{mm}$, chiều dài cán $\geq 18\text{cm}$, đường kính trong $\geq 20,4\text{mm}$, chiều cao ghim mỏ $\geq 5,2\text{mm}$, chiều cao ghim đóng điều chỉnh $\geq 1,5\text{mm}$; số lượng ghim ≥ 24 , chất liệu ghim bằng titanium Đạt tiêu chuẩn ISO, 2CFS	Cái	28.450.000	10	284.500.000
41	Dụng cụ, máy khâu cắt nối tự động sử dụng trong kỹ thuật Longo các loại, các cỡ (bao gồm cả vòng, băng ghim khâu kèm theo)	Dụng cụ khâu cắt trĩ theo phương pháp Longo. Đường kính $\geq 33\text{mm}$, có ≥ 32 ghim làm bằng titanium. Chiều cao ghim $\geq 3.5\text{mm}$. Đạt tiêu chuẩn ISO, 2CFS.	Cái	9.800.000	40	392.000.000

42	Kèm sinh thiết dạ dày dùng một lần	Kèm sinh thiết dạ dày đường kính $\geq 2.03\text{mm}$, chiều dài $\geq 1700\text{mm}$, có vỏ bọc. Đạt tiêu chuẩn ISO	Cái	231.000	540	124.740.000
43	Kèm sinh thiết đại tràng dùng một lần	Kèm sinh thiết đại tràng đường kính $\geq 2.03\text{mm}$, chiều dài $\geq 2400\text{mm}$, có vỏ bọc. Đạt tiêu chuẩn ISO, CFS	Cái	231.000	520	120.120.000
44	Kẹp clip cầm máu các cỡ.	Kẹp cầm máu đường kính mở $\geq 15\text{mm}$, clip liền tay cầm, đóng mở nhiều lần, tay cầm xoay khoảng 360° , chất liệu thép không gỉ, chiều dài dụng cụ $\geq 2100\text{mm}$, đường kính dụng cụ $\geq 2,6\text{mm}$. Đạt tiêu chuẩn ISO	Cái	627.000	270	169.290.000
45	Kẹp mạch máu các cỡ ML, L, XL	Nguyên liệu: Polymer - Có khóa. Kiểu khớp động - Có răng tích hợp giúp clip không bị trượt trên mô - Kẹp được mạch máu cỡ $\geq 3\text{mm}$ - Chiều dài chân clip ngoài $\geq 9.5\text{mm}$. Độ dày chân clip $\geq 0.83\text{mm}$ - Đường kính phần lõi của Clip khi đóng $\geq 1.1\text{mm}$, khi mở $\geq 7.5\text{mm}$ Đạt tiêu chuẩn ISO, 2CFS	Cái	69.300	2.550	176.715.000
46	Kim tiêm cầm máu dùng một lần các cỡ, các loại.	Kim chích cầm máu dạ dày. Vỏ ngoài và lòng trong trong suốt, đầu chặn mũi kim bằng kim loại, cơ chế khóa kim (một tay). Đường kính $\geq 2,3\text{mm}$ Chiều dài $\geq 160\text{cm}$. Dài kim $\geq 4\text{mm}$; Đường kính kim $\geq 0,7\text{mm}$. Đạt tiêu chuẩn ISO, CFS	Cái	800.000	110	88.000.000
47	Kim tiêm cầm máu dùng một lần các cỡ, các loại.	Kim chích cầm máu đại tràng. Vỏ ngoài và lòng trong trong suốt, đầu chặn mũi kim bằng kim loại, cơ chế khóa kim (một tay). Đường kính $\geq 2,3\text{mm}$ Chiều dài $\geq 230\text{cm}$. Dài kim $\geq 4\text{mm}$. Đường kính kim $\geq 0,7\text{mm}$. Đạt tiêu chuẩn ISO	Cái	525.000	110	57.750.000
48	Lọng cắt polyp ống tiêu hóa (thực quản, dạ dày, tá tràng, ruột non, trực tràng, đại tràng) các loại, các cỡ	Thọng lọng cắt polyp dài $\geq 240\text{cm}$, độ mở $\geq 25\text{mm}$, đường kính $\geq 0.4\text{mm}$, hu/ bẫy chính xác/ ống ngoài (góc lục giác PTFE)/ Ống bên trong (tròn PTFE) dùng 01 lần. Đạt tiêu chuẩn ISO, 2CFS	Cái	525.000	105	55.125.000

49	Lưới điều trị thoát vị các loại	Lưới được làm từ chất liệu phẫu thuật đơn sợi polypropylene tương thích sinh học, vô trùng. Lưới có độ trong suốt cao giúp dễ quan sát mô trong quá trình phẫu thuật. Đạt tiêu chuẩn ISO, 2CFS	Miếng	735.000	445	327.075.000
50	Màng phẫu thuật y tế vô trùng	Miếng dán sát khuẩn dùng trong phẫu thuật, kháng khuẩn - Chất liệu: Lốp film Polyester - Kích thước: băng 56 x 45cm, tổng thể: 90cm x 45cm - Hiệu quả diệt khuẩn suốt 48h - Tiết khuẩn từng miếng - Đạt tiêu chuẩn ISO, 2 CFS	miếng	220.000	10	2.200.000
51	Mảnh ghép polypropylene loại nặng	Mảnh ghép polypropylene loại nặng, kích thước vừa, kích thước lỗ $\geq 0.8\text{mm}$, khối lượng $\geq 82\text{g/m}^2$, dùng cho điều trị thoát vị kích thước 15 x 15cm. Đạt tiêu chuẩn ISO, 2CFS	Miếng	1.980.090	170	336.615.300
52	Mảnh ghép thoát vị bẹn, thành bụng các loại, các cỡ	* Lưới điều trị cho các trường hợp thoát vị bẹn * Lưới được làm từ chất liệu phẫu thuật đơn sợi polypropylene, vô trùng. . * Lưới có trọng lượng $\geq 90\text{g/m}^2$, độ dày lưới từ ≤ 0.54 , kích thước lỗ $\leq 1.5\text{mm}$ * Kích thước 6cm x 11cm * Tiêu chuẩn ISO, CE.	Miếng	420.000	165	69.300.000
53	Mảnh ghép thoát vị bẹn, thành bụng các loại, các cỡ	* Lưới điều trị cho các trường hợp thoát vị bẹn * Lưới được làm từ chất liệu phẫu thuật đơn sợi polypropylene, vô trùng. . * Lưới có trọng lượng $\geq 90\text{g/m}^2$, độ dày lưới ≤ 0.54 , kích thước lỗ $\leq 1.5\text{mm}$ * Kích thước 10cm x 15cm * Tiêu chuẩn ISO, CE.	Miếng	735.000	220	161.700.000

54	Mảnh ghép thoát vị bẹn, thành bụng các loại, các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> * Lưới điều trị cho các trường hợp thoát vị bẹn *Lưới được làm từ chất liệu phẫu thuật đơn sợi polypropylene , vô trùng. . * Lưới có trọng lượng $\geq 90\text{g/m}^2$, độ dày lưới từ ≤ 0.54, kích thước lỗ $\leq 1.5\text{mm}$ * Kích thước 15cm x 15cm * Tiêu chuẩn ISO, CE 	Miếng	882.000	200	176.400.000
55	Miếng dán phẫu thuật chuyên dùng cho tán sỏi qua da	<ul style="list-style-type: none"> Miếng dán sát khuẩn dùng trong phẫu thuật, phủ Iodophor, kháng khuẩn - Chất liệu: Lớp film Polyester resin phủ Iodophur hàm lượng $\geq 0.117\text{ mg/cm}^2$ kháng khuẩn phổ rộng, keo Acrylate phủ bên dưới màng phim, lớp giấy lót - Kích thước: $\geq 56 \times 45\text{cm}$ - Hiệu quả diệt khuẩn suốt 48h - Tiết khuẩn từng miếng - Đạt tiêu chuẩn ISO, 2 CFS 	Cái	220.000	400	88.000.000
56	Ống dẫn lưu (drain) các loại, các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> Bộ bao gồm: buồng hút chân không 3 lò xo, ống dây PVC, co nối Y, ống dẫn lưu có trocar Cản quang, không latex cao su tự nhiên Dung tích: $\geq 200\text{ml}$ Kích cỡ: $\geq 10\text{Fr}$ Đóng gói vô trùng Đạt tiêu chuẩn ISO 	Cái	99.750	380	37.905.000
57	Ống dẫn lưu (drain) các loại, các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> Ống dẫn lưu màng phổi dùng để dẫn lưu hiệu quả sau phẫu thuật tim-lồng ngực - Đường cản quang và vạch đánh dấu $\geq 2\text{cm}$ Ống PVC chống gãy gập, mờ, mềm. - Đầu nối có kích thước phù hợp để dễ dàng kết nối với hệ thống dẫn lưu * Size các cỡ, Chiều dài $\geq 450\text{mm}$ * Vô trùng bằng EO, không chất độc * Tiêu chuẩn: ISO, CE 	Cái	34.860	1.510	52.638.600

58	Ống dẫn lưu (drain) các loại, các cỡ	<p>* Ống dẫn lưu màng phổi có trocar, chùy chọc kim loại kèm theo ống PVC có thể thay đổi chiều dài, chất liệu chống gãy gập, đầu nối tương thích với các hệ thống hút. Đầu xa mở, tròn, lỗ hút trơn tru.</p> <p>* Có đường cân quang và đánh dấu chiều dài mỗi 2cm.</p> <p>* Size các cỡ từ ,đường kính ngoài ống thông $\geq 2.7\text{mm}$. Chiều dài $\geq 160\text{mm}$, 2 lỗ dẫn lưu.</p> <p>* Vô trùng bằng EO, không chất độc,</p> <p>* Tiêu chuẩn: ISO, CE</p>	Cái	94.479	1.270	119.988.330
59	Ống kính nội soi mềm	<p>Đường kính kênh làm việc ngoài $\geq 3.1\text{mm}$;</p> <p>Đường kính kênh làm việc trong $\geq 1.2\text{mm}$;</p> <p>Đường kính ống $\geq 8.7\text{Fr}$</p> <p>Chiều dài làm việc $\geq 650\text{mm}$;</p> <p>Tổng chiều dài $\geq 920\text{mm}$;</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO</p>	Cái	25.000.000	42	1.050.000.000
60	Ống thông JJ	<p>Size: các cỡ, dài $\geq 26\text{ cm}$.</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO, CFS</p>	Cái	265.000	3.400	901.000.000
61	Ống thông niệu quản chuyên dùng cho tán sỏi qua da	<p>size: Các cỡ</p> <p>Chiều dài $\geq 70\text{cm}$.</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO, CFS</p>	Cái	209.790	50	10.489.500
62	Rọ bắt sỏi dùng cho ống soi mềm	<p>Cỡ size: $\geq 1.8\text{ Fr}$, loại ≥ 4 cạnh, đầu tròn.</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO, CFS</p>	Cái	3.675.000	17	62.475.000
63	Rọ lấy sỏi các loại, các cỡ.	<p>Rọ lấy sỏi loại ≥ 4 dây bện có dây dẫn, chiều dài làm việc $\geq 2000\text{mm}$, đường kính rọ $\geq 40 \times 20\text{mm}$</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO, CFS</p>	Cái	3.675.000	150	551.250.000
64	Stent dẫn lưu đường mật loại thẳng	<p>Chất liệu polyetylen, đk 10Fr, dài $\geq 90\text{mm}$, tương thích dây dẫn hướng 0.035inch, tương thích với kênh sinh thiết $\geq 2.8\text{mm}$ Đạt tiêu chuẩn ISO</p>	Cái	1.056.000	15	15.840.000
65	Stent dẫn lưu đường mật, cong 2 đầu các cỡ	<p>Stent nhựa đường mật, cong 2 đầu các cỡ. Đạt tiêu chuẩn ISO</p>	Cái	1.056.000	10	10.560.000

66	Stent niệu đạo	Chất liệu: Nitinol Đường kính: ≥ 10 mm Chiều dài: ≥ 3 cm Size dụng cụ đẩy: ≥ 10 Fr Chiều dài dụng cụ đẩy ≥ 50 cm. Đạt tiêu chuẩn ISO, CFS	Cái	25.000.000	1	25.000.000
67	Stent niệu quản	Chất liệu: Nitinol Đường kính: ≥ 6 mm Chiều dài: ≥ 6 cm Size dụng cụ đẩy: ≥ 9 Fr Chiều dài dụng cụ đẩy ≥ 70 cm. Đạt tiêu chuẩn ISO, CFS	Cái	25.000.000	1	25.000.000
68	Tấm lưới phẫu thuật 6x11cm	Tấm lưới phẫu thuật được tổng hợp từ Polypropylene, dài ≥ 11 cm, rộng ≥ 6 cm. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE	Cái	945.000	40	37.800.000
69	Thông (sonde) các loại, các cỡ	* Ống thông làm bằng vật liệu PVC mềm, tròn và đầu đóng nhạy nhiệt. Lỗ dẫn lưu không đối nghịch nhau cải thiện dòng hút hiệu quả và giảm thiểu tắc nghẽn. Co nối hình phễu kết nối kín với túi nước tiểu hoặc bình chứa. Chiều dài ≥ 40 cm * Size các cỡ * Vô trùng EO. Tiêu chuẩn CE, ISO	Cái	5.229	8.140	42.564.060
70	Trocar nhựa dùng trong phẫu thuật nội soi	Các loại, các cỡ bao gồm: vỏ trocar (xoắn hoặc không xoắn), nòng trocar các loại, hấp tiệt trùng	Cái	19.500.000	50	975.000.000
71	Trocar nhựa dùng trong phẫu thuật nội soi các loại, các cỡ	- Trocar nội soi nhựa, không dao kích cỡ ≥ 12 mm, dài ≥ 100 mm, có đầu và nòng ngoài trong suốt, nòng ngoài có rãnh cố định, có khóa giữ camera, van giữ khí, có kích thước và hình dạng đồng đều, chiều dài tối thiểu của đầu nối khí là ≥ 10 mm. Đạt tiêu chuẩn ISO, 2CFS	Cái	2.100.000	37	77.700.000
72	Vỏ đỡ niệu quản 2 kênh dùng cho tán sỏi ống mềm	Cấu tạo gồm nòng trong và vỏ ngoài, 1 bình lọc chứa sỏi. Nòng trong ≥ 10 Fr, vỏ ngoài ≥ 12 Fr. Chiều dài: ≥ 35 cm Đạt tiêu chuẩn ISO, CFS	Cái	6.000.000	1	6.000.000

73	Vỏ que nong	Gồm 01 que nong Cỡ size: $\geq 12\text{Fr}$ Đạt tiêu chuẩn ISO, CFS	Cái	2.000.000	12	24.000.000
74	Vỏ que nong 2 kênh dùng cho tán sỏi qua da	Cấu tạo gồm: Vỏ que nong 2 kênh, Vỏ que nong: $\geq 18\text{Fr}$ chiều dài $\geq 13\text{cm}$ Lỗ kiểm soát áp lực hút: Mở hoặc đóng lỗ hút bên để kiểm soát áp suất trong thận và hút các mảnh sỏi ra ngoài. Đạt tiêu chuẩn IS, CFS	Cái	5.000.000	1	5.000.000

Tổng cộng: 74 mặt hàng

20.187.431.770